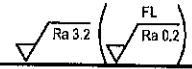


| REV.  | DATE       | DESCRIPTION | REF.No.   | DWN.           | DSGND.        | CHKD.             | CUTTING TOLERANCE   |
|-------|------------|-------------|-----------|----------------|---------------|-------------------|---------------------|
| init. | 2021/01/05 |             | DVBS-0475 | Dang Dinh Tuan | Pham Phu Quoc | Nguyen Phuoc Minh | 0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1   |
| △     |            |             |           |                |               |                   | 6 < , ≤ 30 ± 0.2    |
| △     |            |             |           |                |               |                   | 30 < , ≤ 120 ± 0.3  |
| △     |            |             |           |                |               |                   | 120 < , ≤ 400 ± 0.5 |

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

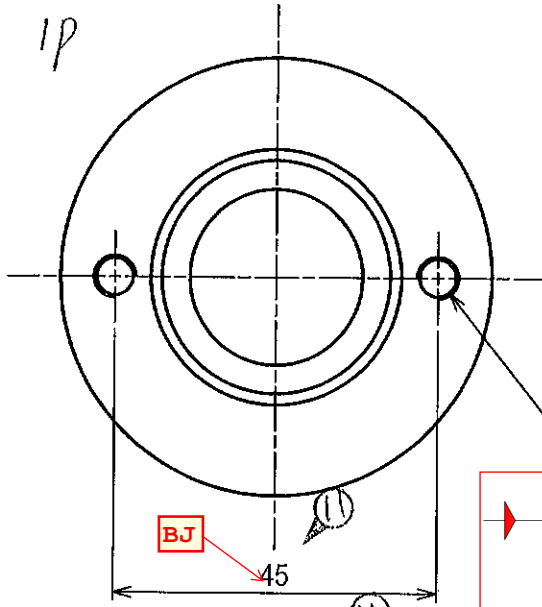
FINISH MARKS



Not indicate C0.5

出図  
製作・検収用図面  
検収完了後要廃棄  
2023-07-06  
VDM 生産支援課

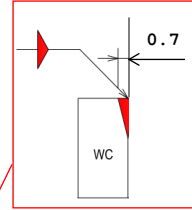
213 306 156B  
1P



2-M6 ∇15

BJ-DA

BJ



GP1 gia công biên dạng chứa mỗi hàn trên WC

EW2 cắt thô luôn phần côn nhỏ

EW2-GR2

EN

R1

Ø35<sup>-0.02</sup><sub>-0.05</sub>

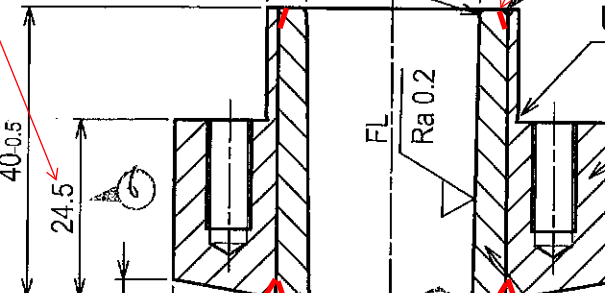
Ø24.1<sup>-0.02</sup><sub>-0.05</sub>

WC solder joint

EW1 ra phôi Ø32\*40

LA (24.7) -GS

SKS: LA (40.0) -GS  
WC: EW1 (40.0) -GS



Undercut

GP2

SKS3

LA

EW2 (Ø22.2) -GR2

EW2 cắt thô luôn phần côn nhỏ

Ø22.7 ±0.02

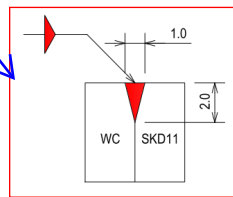
Ø32

WC

LA-GR2

SKD: LA (Ø31.5) -GJ (lướt sáng)  
WC: GR mài vừa lọt lỗ GJ

S CHUẨN



| CHKD.             | MATERIAL      | SCALE | TITLE               | PARTS NAME           |
|-------------------|---------------|-------|---------------------|----------------------|
| Nguyen_Phuoc_Minh | SKS3+WC       | 1:1   | 部品図<br>PART DRAWING | フォーマー (フォーム)<br>FORM |
| DSGND.            | SURFACE       | SIZE  | 部品図<br>部品圖          | 型<br>型               |
| Pham_Phu_Quoc     | SOB           | 1:1   | DATE                | DWG.No.              |
| DWN.              | QUENCH&TEMPER | SIZE  |                     |                      |
| Pham_Phu_Quoc     | HRC 55 ~ 60   | A4V   | 2020/02/20          | R398470              |

SNO: **R398470**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

| DIỄN GIẢI   | THỜI GIAN CHUẨN 1P   |
|---|--|
| <b>1.VẬT LIỆU:</b><br><b>SKS3:Ø65*45</b><br><b>WCD30:Ø32*41</b> | LA:90<br>BJ:20<br>DA:10<br>HT:40<br>GJ:30<br>EW1:40<br>ED:30<br>EW2:120<br>GR1:90<br>GP:60<br>AF:20<br>WG:30<br>GS:40<br>GR2:250<br>GP2:30<br>EN:60<br>AF2:30<br>AB:10<br>KT |